ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61 /QĐ-ĐHYD	*Thái Nguyên, ngày 12 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Khung chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN, ngày 28/7/2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-ĐHYD ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định mã hóa tên học phần các chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các khung chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học ngành Điều dưỡng liên thông từ trình độ cao đẳng, ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng (sửa đổi, bổ sung) của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Khung chương trình đào tạo nêu tại Điều 1 của Quyết định này áp dụng cho ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học tuyển sinh từ năm 2021, ngành Điều dưỡng tuyển sinh từ năm 2022 và thay thế cho các Quyết định 2922/QĐ-ĐHYD, 2923/QĐ-ĐHYD ngày 31/12/2021, số 2363/QĐ-ĐHYD ngày 10/11/2022, số 1930/QĐ-ĐHYD ngày 28/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Khung chương trình, điều chỉnh mã học phần của Chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm Y học.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Đăng website Trường;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
LIÊN THÔNG GIỮA TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 61 /QĐ-ĐHYD ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*				
I. Khối kiến thức cơ bản: 4 tín chỉ										
1	ĐDTN1012	Tiếng Anh	2 (2/0)	30	0	70				2
2	HCTO1012	Tin học	2 (0/2)	0	30	70				1
II. Khối kiến thức cơ sở ngành:22 tín chỉ										
2.1. Học phần/module bắt buộc: 20 tín chỉ										
3	ĐDTM1214	Hệ tim mạch - hô hấp	4 (2/2)	15	60	75	ĐDYH1213			1
4	ĐDTH1214	Hệ tiêu hóa - tiết niệu	4 (2/2)	15	60	75	ĐDYH1213			1
5	ĐDDC1214	Hệ da - cơ - xương khớp-thần kinh	4 (2/2)	15	60	75	ĐDYH1213			2
6	ĐDNT1212	Hệ nội tiết - sinh sản	2 (1,5/0,5)	22,5	15	62,5	ĐDYH1213			2
7	HCDD1212	Dinh dưỡng và ATTP	2 (1/1)	15	30	55				1
8	HCPP1212	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (1/1)	15	30	55				2
9	HCTU1212	Tính chuyên nghiệp	2 (2/0)	30	0	70				2
2.2. Học phần tự chọn: 02 tín chỉ (chọn 1 học phần trong 3 học phần)										
10.1	HCTC1312	TC vàQLYT - CTYTQG - DS	2 (1/1)	30	30	55				1
10.2	HCXS1312	Xác suất thống kê YH	2 (2/0)	30	0	55				1
10.3	HCSK1312	Sức khỏe môi trường - SKNN	2 (1/1)	30	30	55				1
III. Khối kiến thức chuyên ngành: 40 tín chỉ (51,49%)										
3.1. Học phần/module bắt buộc:34 tín chỉ (47,01%)										
11	ĐDQL1413	Quản lý điều dưỡng	3 (2/1)	15	60	75	ĐDHL1212			3
12	ĐDDC1413	Điều dưỡng cơ bản	3 (1/2)	15	60	75				1
13	ĐDHL1212	Huấn luyện kỹ năng điều dưỡng	2 (0/2)	0	60	40	ĐDDC1413			2
14	ĐDDG1413	Điều dưỡng ngoại	3 (1/2)	15	60	75	ĐDHL1212			3
15	ĐDDI1413	Điều dưỡng nội	3 (1/2)	15	60	75	ĐDHL1212			2
16	ĐDHS1412	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	2 (1/1)	15	30	45	ĐDHL1212			3
17	ĐDTT1413	Điều dưỡng tâm thần	3 (1/2)	15	60	75	ĐDHL1212			3
18	ĐDPH1412	Phục hồi chức năng	2 (1/1)	15	30	55	ĐDHL1212			4
19	ĐDDU1413	Điều dưỡng Nhi	3 (1/2)	15	60	75	ĐDHL1212			3
20	ĐDDA1413	Điều dưỡng Sản	3 (1/2)	15	60	75	ĐDHL1212			3
21	ĐDNG1412	Điều dưỡng người già	2 (1/1)	15	30	55	ĐDHL1212			4
22	ĐDCD1413	Điều dưỡng Cộng Đồng	3 (1/2)	15	60	75	ĐDHL1212			4
23	ĐDTN1412	Điều dưỡng truyền nhiễm	2 (1/1)	15	30	55	ĐDHL1212			3
3.2. Học phần tự chọn: 06 tín chỉ (chọn 3 trong 7 học phần)										

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*				
24.1	ĐDDD1512	Dinh dưỡng tiết chế	2 (1/1)	15	30	55				4
24.2	HCKS1512	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 (1/1)	15	30	55				4
24.3	ĐDHG1512	Điều dưỡng hộ gia đình	2 (1/1)	15	30	55				4
24.4	HCGM1512	Điều dưỡng gây mê hồi sức	2 (1/1)	15	30	55				4
24.5	ĐDTH1512	Điều dưỡng thảm họa	2 (1/1)	15	30	55				4
24.6	ĐDCS1512	Chăm sóc giảm nhẹ	2 (1/1)	15	30	55				4
24.7	ĐDAT1512	An toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế	2 (1/1)	15	30	55				4
IV. TỐT NGHIỆP: 3 tín chỉ										
25	ĐDTT1613	Thực tập tốt nghiệp	3 (0/3)	0	90	60		Tất cả các HP		4
Tổng số tín chỉ (giờ)			**69**							

PHÒNG ĐÀO TẠO **HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TS. Vũ Tiến Thăng **PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
LIÊN THÔNG GIỮA TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP VỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 61 /QĐ-ĐHYD ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số TC			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*				
I.	**Khối kiến thức cơ bản: 19 tín chỉ**									
1	HCTH1013	Triết học Mác-Lênin	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCKT1012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2/0)	30	0	70		HCTH1013		2
3	HCCN1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0)	30	0	70		HCKT1012		2
4	HCLS1012	Lịch sử ĐCSVN	2 (2/0)	30	0	70		HCCN1012		3
5	HCTT1012	Tư tưởng HCM	2 (2/0)	30	0	70		HCLS1012		3
6	HCPL1012	Pháp luật đại cương	2 (2/0)	30	0	70				1
7	KTTA1012	Tiếng Anh	2 (2/0)	30	0	70				1
8	HCTN1012	Tiếng Anh CN	2 (2/0)	30	0	70	KTTA1012			2
9	HCTO1012	Tin học	2 (0/2)	0	60	40				1
II.	**Khối kiến thức cơ sở ngành: 16 tín chỉ**									
2.1	***Học phần bắt buộc: 14 tín chỉ***									
10	HCPP1212	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (1/1)	15	30	55				2
11	KTGP1212	Giải phẫu	2 (1/1)	15	30	55				1
12	KTSS1213	Sinh lý -Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3 (2/1)	30	30	90	KTGP1212			2
13	HCMP1213	Mô phôi	3 (2/1)	30	30	90				1
14	HCTU1212	Tính chuyên nghiệp	2 (2/0)	30	0	70				3
15	HCDT1212	Dịch tễ học	2 (1/1)	15	30	55				3
2.2.	***Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (chọn 1 học phần)***									
16.1	HCKS1312	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 (1/1)	15	30	55			KTVI1412	3
16.2	HCBL1312	Bệnh lý tế bào máu	2 (1/1)	15	30	55				3
16.3	HCTN1312	Truyền nhiễm	2 (2/0)	15	30	55				3
16.4	HCTK1312	Thống kê y tế	2 (1/1)	15	30	55				3
16.5	HCHV1312	Hành vi sức khỏe và tư vấn thay đổi hành vi	2 (1/1)	15	30	55				3
16.6	HCHH1312	Huyết học lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55			KTHH1422	3
III	**Khối kiến thức chuyên ngành:48 tín chỉ**									
3.1.	***Học phần bắt buộc: 42 tín chỉ***									
17	HCHO1412	Huyết học tế bào	2 (1/1)	15	30	55				3
18	KTHH1412	Huyết học 1	2 (1/1)	15	30	55				3
19	KTHH1422	Huyết học 2	2 (1/1)	15	30	55	KTHH1412			3
20	KTHI1412	Hoá sinh 1	2 (1/1)	15	30	55				3
21	KTHN1422	Hoá sinh 2	2 (1/1)	15	30	55	KTHI1412			4
22	KTVI1412	Vi sinh 1	2 (1/1)	15	30	55				3
23	KTVN1422	Vi sinh 2	2 (1/1)	15	30	55	KTVS1412			4
24	KTKI1412	Ký sinh trùng 1	2 (1/1)	15	30	55				4
25	KTKI1422	Ký sinh trùng 2	2 (1/1)	15	30	55	KTKI1412			4

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số TC			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*				
26	KTGB1412	Giải phẫu bệnh 1	2 (1/1)	15	30	55				4
27	KTGB1422	Giải phẫu bệnh 2	2 (1/1)	15	30	55	KTGH1412			4
28	HCYS1412	Y sinh học phân tử 1	2 (1/1)	15	30	55				4
29	HCQL1412	QLCL xét nghiệm	2 (1/1)	15	30	55				5
30	HCTT1414	TTKTXN 1: Vi sinh - Ký sinh trùng	4 (0/4)	0	120	80	KTVI1422 KTKI1422			5
31	HCTT1424	TTKTXN2: Hoá sinh	4 (0/4)	0	120	80	KTHI1422			6
32	HCTT1434	TTKTXN3: Huyết học	4 (0/4)	0	120	80	KTHH1422			5
33	HCTT1444	TTKTXN4: Giải phẫu bệnh	4 (0/4)	0	120	80	KTGH1422			6
3.2.	***Học phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 3 trong 6 học phần)***									
34.1	HCMS1512	Một số xét nghiệm vi sinh trong VSATTP	2 (1/1)	15	30	55	KTVI1412			5
34.2	HCBO1512	Bệnh học tế bào cổ tử cung	2 (1/1)	15	30	55				5
34.3	HCXG1512	Xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán Vi-ký sinh trùng	2 (1/1)	15	30	55	KTVI1412			5
34.4	HCYS1522	Y sinh học phân tử 2	2 (1/1)	15	30	55	KTYS1412			5
34.5	HCMO1512	Một số xét nghiệm hóa lý trong VSATTP	2 (1/1)	15	30	55				5
34.6	HCKL1514	Khoá luận tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80				5
IV.	**Tốt nghiệp: 4 tín chỉ**									
35	KTTT1614	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		Tất cả HP		6
		Tổng số tín chỉ (giờ)	**87 (43/44)**							

PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Vũ Tiến Thăng

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
LIÊN THÔNG GIỮA TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 61 /QĐ-ĐHYD ngày 12 tháng 01 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số TC			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*				
I.	**Khối kiến thức cơ bản: 4 tín chỉ**									
1	HCTN1012	Tiếng Anh CN	2 (2/0)	30	0	70				1
2	HCTO1012	Tin học	2 (0/2)	0	60	40				1
II.	**Khối kiến thức cơ sở ngành:04tín chỉ**									
2.1.	***Học phần bắt buộc: 2 tín chỉ***									
3	HCTU1212	Tính chuyên nghiệp	2 (2/0)	30	0	70				1
2.2.	***Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (chọn 1 học phần)***									
4.1	HCKS1312	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 (1/1)	15	30	55				2
4.2	HCBL1312	Bệnh lý tế bào máu	2 (1/1)	15	30	55				2
4.3	HCTN1312	Truyền nhiễm	2 (2/0)	15	30	55				2
4.4	HCTK1312	Thống kê y tế	2 (1/1)	15	30	55				2
4.5	HCHV1312	Hành vi sức khỏe và tư vấn thay đổi hành vi	2 (1/1)	15	30	55				2
4.6	HCHH1312	Huyết học lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55				2
III.	**Khối kiến thức chuyên ngành: 38tín chỉ**									
3.1.	***Học phần bắt buộc: 32 tín chỉ***									
5	HCHO1412	Huyết học tế bào	2 (1/1)	15	30	55				1
6	KTHC1412	Huyết học	2 (1/1)	15	30	55				1
8	KTHI1422	Hoá sinh	2 (1/1)	15	30	55				1
10	KTVI1422	Vi sinh	2 (1/1)	15	30	55				1
12	KTKS1412	Ký sinh trùng	2 (1/1)	15	30	55				1
14	KTGH1422	Giải phẫu bệnh	2 (1/1)	15	30	55				2
16	HCYS1412	Y sinh học phân tử 1	2 (1/1)	15	30	55				2
17	HCQL1412	Quản lý chất lượng xét nghiệm	2 (1/1)	15	30	55				2
18	HCTT1414	Thực tập KTXN1: Vi sinh - Ký sinh trùng	4 (0/4)	0	120	80	KTVI1422 KTKI1422			3
19	HCTT1424	Thực tập KTXN2: Hoá sinh	4 (0/4)	0	120	80	KTHI1422			3
20	HCTT1434	Thực tập KTXN3: Huyết học	4 (0/4)	0	120	80	KTHH1422			3
21	HCTT1444	Thực tập KTXN4: Giải phẫu bệnh	4 (0/4)	0	120	80	KTGH1422			3
3.2.	***Học phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 3 trong 6 học phần)***									
22.1.	HCMS1512	Một số xét nghiệm vi sinh trong VSATTP	2 (1/1)	15	30	55	KTVI1412			3
22.2.	HCBO1512	Bệnh học tế bào cổ tử cung	2 (1/1)	15	30	55				2

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số TC			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*				
22.3	HCXG1512	Xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán Vi-ký sinh trùng	2 (1/1)	15	30	55	KTVI1412			3
22.4	HCYS1522	Y sinh học phân tử 2	2 (1/1)	15	30	55	KTYS1412			3
22.5	HCMO1512	Một số xét nghiệm hóa lý trong VSATTP	2 (1/1)	15	30	55				3
22.6	HCKL1514	Khoá luận tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80				3
IV. Tốt nghiệp: 4 tín chỉ										
23	KTTT1614	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		Tất cả HP		3
		Tổng số tín chỉ (giờ)	**50 (16/34)**							

PHÒNG ĐÀO TẠO **HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TS. Vũ Tiến Thăng **PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**